|  |  |
| --- | --- |
| UNND TỈNH HÀ TĨNH**TRƯỜNG CAO ĐẲNG Y TẾ** | CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAMĐộc lập - Tự do - Hạnh phúc |

**CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO***(Ban hành kèm theo quyết định số 171 /QĐ-CĐYT ngày 26 tháng 6 năm 2017*

*của Hiệu trưởng Trường Cao đẳng Y tế Hà Tĩnh)*

**Tên ngành, nghề:** Kĩ thuật xét nghiệm y tế

**Mã ngành, nghề:** 5720306

**Trình độ đào tạo:** Trung cấp

**Hình thức đào tạo:**  Chính quy (niên chế)

**Đối tượng tuyển sinh:** Học sinh tốt nghiệp THPT

**Thời gian đào tạo:** 02 năm

**1. Mục tiêu đào tạo**

1.1. Mục tiêu chung:

Đào tạo kĩ thuật viên xét nghiệm độ trung cấp có kiến thức khoa học cơ bản, có phẩm chất đạo đức tốt, có thái độ đúng đắn, có lương tâm nghề nghiệp, có tinh thần trách nhiệm cao và tác phong thận trọng, chính xác; có khả năng tự học và nghiên cứu khoa học đáp ứng nhu cầu chăm sóc và bảo vệ sức khỏe nhân dân.

1.2. Mục tiêu cụ thể:

1.2.1. Kiến thức

1.2.1.1. Kiến thức chung:

*- Nhận thức chính trị:* Có hiểu biết về các nguyên lý cơ bản của chủ nghĩa Mác-Lênin, đường lối cách mạng của Đảng Cộng sản Việt Nam, tư tưởng Hồ Chí Minh, pháp luật của nhà nước; có kiến thức cơ bản trong lĩnh vực khoa học xã hội và nhân văn phù hợp với chuyên ngành được đào tạo; có sức khỏe tốt, đáp ứng được yêu cầu xây dựng và bảo vệ Tổ quốc;

 - Kỹ năng tin học: Biết sử dụng các chương trình tin học văn phòng, bảng tính Exel, Power Point và biết cách sử dụng phần mềm thống kê y học;

 - Kỹ năng ngoại ngữ: Biết sử dụng một ngoại ngữ để có thể giao tiếp ở trình độ thông thường.

1.2.1.2. Kiến thức cơ sở ngành và chuyên ngành

            - Có kiến thức về giải phẫu, sinh lý cơ thể con người và những thay đổi của chúng trong các thời kỳ khác nhau của cuộc đời, đặc biệt là những thay đổi về thể chất, sinh lý và tinh thần của con người khi bị bệnh;

-Có kiến thức về khoa học xã hội về tâm lý, tâm lý y học, kỹ năng giao tiếp để chăm sóc sức khỏe người bệnh/cộng đồng phù hợp với văn hoá, tôn giáo, tín ngưỡng và tâm sinh lý của từng đối tượng;

 - Có kiến thức về cơ sở ngành và các môn học cơ sở khác làm tiền đề cho việc tiếp thu các môn học chuyên ngành;

- Có kiến thức khoa học cơ bản, y học cơ sở và chuyên ngành vào hoạt động nghề nghiệp, giải thích được nguyên lí, Cơ chế các xét nghiệm thông thường

- Có hiểu biết về luật khám chữa bệnh để hành nghề theo quy định của pháp luật và phù hợp với chức trách, nhiệm vụ, năng lực chuyên môn trong phạm vi quy định của nghề nghiệp;

1.2.2. Kỹ năng

- Thực hiện pha chế được một số dung dịch chuẩn, thuốc nhuộm, thuốc thử.

- Sử dụng và bảo quản được các máy móc, trang thiết bị phục vụ các kỹ thuật xét nghiệm

- Làm được các xét nghiệm cơ bản thuộc huyết học, hoá sinh, vi sinh, kí sinh trùng , Truyền máu…

- Thực hiện được các xét nghiệm hàng loạt tại cộng đồng khi có yêu cầu.

- Thực hiện được các biện pháp đảm bảo chất lượng và kiểm tra chất lượng xét nghiệm.

- Tham gia vào công tác tổ chức và quản lí khoa phòng

- Tham gia nghiên cứu khoa học trong lĩnh vực chuyên ngành

**\* Các kỹ năng khác**

 - Có kỹ năng giao tiếp hiệu quả, hợp tác với các nhân viên y tế khác, với người bệnh và gia đình của họ trong quá trình chăm sóc sức khỏe nhân dân;

 - Áp dụng các kiến thức và kỹ năng thực hành nghề nghiệp trong nhiều hoàn cảnh khác nhau, sử dụng các nguồn lực sẵn có để đảm bảo sự chăm sóc sức khỏe nhân dân an toàn, hiệu quả, có nhân văn, phù hợp với những quy định về năng lực và chức năng, nhiệm vụ của người Kĩ thuật viên xét nghiệm theo quy định của Bộ Y tế.

 - Có kỹ năng quản lý, điều hành về nhân lực và chuyên môn hiệu quả.

1.2.3. T**hái độ:**

- Tận tụy với sự nghiệp chăm sóc sức khoẻ nhân dân, hết lòng phục vụ người bệnh.

- Trung thực, khách quan, thận trọng thực hiện các cộng việc chuyên môn

- Khiêm tốn học tập, quan hệ và hợp tác tốt với đồng nghiệp

**1.3. Vị trí làm việc của người học sau khi tốt nghiệp**

Có khả năng làm việc tại các cơ sở khám chữa bệnh công lập và ngoài công lập ở tất cả các tuyến từ Trung ương đến cơ sở, cộng đồng trong toàn quốc và các cơ sở đào tạo nhân lực y tế.

**2. Khối lượng kiến thức và thời gian khóa học** (không kể GDQP -GDTC)**:**

- Số lượng môn học: 20

- Khối lượng kiến thức toàn khóa học: 91 Tín chỉ

- Khối lượng các môn học chung/đại cương: 270 giờ

- Khối lượng các môn học chuyên môn: 1.950 giờ

- Khối lượng lý thuyết: 720 giờ; Thực hành, thực tập, thí nghiệm: 1.500 giờ

**3. Nội dung chương trình:**

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **Mã Môn họ7** | **Tên môn học/mô đun** | **Số tín chỉ** | **Thời gian học tập** |
| **Tổng số** | **Lý thuyết** | **Thực hành/ thực tập/ thí nghiệm/ bài tập/ thảo luận** | **Thi/ Kiểm tra** |
| **I** | **Các môn học chung** | **15** | **270** | **180** | **90** |  |
| ĐC 1 | Chính trị | 5 | 90 | 60 | 30 |  |
| ĐC 2 | Ngoại ngữ | 5 | 90 | 60 | 30 |  |
| ĐC 3 | Tin học | 3 | 60 | 30 | 30 |  |
| ĐC 4 | Pháp luật | 2 | 30 | 30 | 0 |  |
| ĐC 5 | Giáo dục thể chất | 2 | 45 | 15 | 30 |  |
| ĐC 6 | Giáo dục quốc phòng - an ninh | 3 | 60 | 30 | 30 |  |
| **II** | **Các môn học chuyên môn** |
| **II.1** | **Môn học cơ sở** | **16** | **270** | **210** | **60** |  |
| CSN 1 | Giải phẫu sinh lí | 3 | 60 | 30 | 30 |  |
| CSN 2 | Bệnh học | 3 | 45 | 45 | 0 |  |
| CSN 3 | Điều dưỡng cơ bản - Cấp cứu ban đầu | 2 | 45 | 15 | 30 |  |
| CSN 4 | Dược lí | 2 | 30 | 30 | 0 |  |
| CSN 5 | Vệ sinh phòng bệnh | 2 | 30 | 30 | 0 |  |
| CSN 6 | Kĩ năng giao tiếp - GDSK | 2 | 30 | 30 | 0 |  |
| CSN 7 | Tổ chức và quản lí Y tế | 2 | 30 | 30 | 0 |  |
| **II.2** | **Môn học chuyên môn** | **46** | **1050** | **330** | **720** |  |
| CN 1 | Kỹ thuật xét nghiệm cơ bản | 3 | 60 | 30 | 30 |  |
| CN 2 | Hóa phân tích | 3 | 60 | 30 | 30 |  |
| CN 3 | Xét nghiệm huyết học (1,2,3) | 11 | 255 | 75 | 180 |  |
| CN 4 | Xét nghiệm sinh hóa (1,2,3) | 10 | 225 | 75 | 150 |  |
| CN 5 | Xét nghiệm vi sinh (1,2,3) | 10 | 240 | 60 | 180 |  |
| CN 6 | Xét nghiệm kí sinh trùng (1,2,3) | 9 | 210 | 60 | 150 |  |
| **II.3** | **Thực tập cơ bản**  | **6** | **270** | **0** | **270** |  |
| TT 1 | Thực tập bệnh viện 1 | 3 | 135 | 0 | 135 |  |
| TT 2 | Thực tập bệnh viện 2 | 3 | 135 | 0 | 135 |  |
| **II.4** | **Thực tập tốt nghiệp** | **8** | **360** | **0** | **360** |  |

**4. Hướng dẫn sử dụng chương trình**

Chương trình khung được xây dựng theo hướng đổi mới giáo dục, tinh giản số giờ lý thuyết, dành nhiều thời gian cho sinh viên tự nghiên cứu, đọc tài liệu, thảo luận, làm các bài tập và thực hành tại cơ sở. Khối lượng kiến thức của chương trình đã được xác định phù hợp với khuôn khổ mà Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội đã quy định cho một chương trình giáo dục trình độ trung cấp 2 năm.

Trên cơ sở chương trình khung đã được ban hành, Nhà trường tổ chức xây dựng chương trình đào tạo, Hiệu trưởng phê duyệt chương trình đào tạo của Trường.

Trường tổ chức giảng dạy đảm bảo đủ khối lượng kiến thức tối thiểu đã quy định trong chương trình khung và đáp ứng đúng mục tiêu đào tạo với chất lượng và hiệu quả cao.

Trong quá trình tổ chức thực hiện, Trường chủ động bố trí và điều chỉnh kế hoạch giảng dạy các môn học/học phần giữa các học kỳ trong toàn khóa học nhưng đảm bảo tính lôgic và hệ thống khối kiến thức trong chương trình, tuân thủ các điều kiện tiên quyết của từng môn học/học phần và các quy định hiện hành có liên quan.

Trường lựa chọn các phương pháp tổ chức giảng dạy phù hợp, đúc kết kinh nghiệm giảng dạy chuyên ngành từ những năm trước có sự thận trọng nghiên cứu, chuẩn bị kỹ trước khi tổ chức thực hiện.

***4.1. Các môn học chung*** bắt buộc do Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội phối hợp với các Bộ/ngành tổ chức xây dựng và ban hành để áp dụng thực hiện.(Theo tinh thần phiên họp ngày 4/4/2017 của Tổng cục dạy nghề: hiện nay chưa có hướng dẫn nên vẫn thực hiện theo Quy định cũ của Bộ GD & ĐT)

#### 4.2. Thời gian cho các hoạt động ngoại khóa

Tổ chức thực tế tại cộng đồng sau khi sinh viên đã học các môn cơ sở, tiền lâm sàng, Y tế cộng đồng, Giáo dục sức khỏe và hầu hết các môn học lâm sàng. Sinh viên sẽ được thực tập tại một số nhà máy, xí nghiệp, trạm y tế xã, phường và cụm dân cư tại địa bàn của trường**.**

***4.3. Hướng dẫn tổ chức thi hết môn học, thi tốt nghiệp***

4.3.1. Thi hết môn học:

Thời gian tổ chức thi hết môn họcTừ tuần 20-22 của mỗi học kì, có hướng dẫn cụ thể theo từng môn họctrong chương trình chi tiết môn học.

4.3.2. Thi tốt nghiệp

4.3.2.1. Điều kiện thi tốt nghiệp

 Người học có đủ điều kiện sau thì sẽ được dự thi tốt nghiệp:

- Phải học hết chương trình đào tạo, có điểm tất cả các môn học từ 5,0 trở lên

- Không trong thời gian: bị kỷ luật từ mức đình chỉ học tập có thời hạn trở lên, bị truy cứu trách nhiệm hình sự;

4.3.2.2. Nội dung thi tốt nghiệp

Bao gồm: môn Chính trị; Lý thuyết tổng hợp nghề nghiệp; Thực hành nghề nghiệp.

\* Lý thuyết tổng hợp:

 - Nội dung thi tổng hợp các môn:

 + Xét nghiệm Hóa sinh

+ Xét nghiệm Huyết học

+ Xét nghiệm Vi sinh

+ Xét nghiệm KST

 - Hình thức thi : Thi viết hoặc thi trắc nghiệm

\* Thực hành:

+ Hình thức thi: học sinh thực hiện bài thi thực hành tại phòng thực hành của nhà trường

 + Nội dung bài thi thực hành: thực hiện các kỹ năng, quy trình kỹ thuật chuyên ngành đã học trong chương trình đào tạo dược sĩ trung cấp

\* Chính trị:

- Nội dung thi: Những kiến thức thuộc học phần Chính trị trong chương trình Trung cấp chuyên nghiệp do Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội ban hành.

 - Hình thức thi: Thi viết hoặc thi trắc nghiệm

Việc kiểm tra, thi kết thúc môn học thực hiện theo quy định của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội và đặc thù đào tạo nhân lực y tế trong phạm vi cho phép phù hợp hoàn cảnh, điều kiện của cơ sở đào tạo. Việc giám sát chất lượng chuyên môn do Bộ Y tế chỉ đạo thực hiện.

***4.4. Hướng dẫn xét công nhận tốt nghiệp:***

- Những học sinh có đủ điều kiện sau đây được xét tốt nghiệp và công nhận tốt nghiệp:

 **+** Điểm của mỗi môn thi tốt nghiệp phải đạt từ 5,0 trở lên

+ Không trong thời gian: bị kỷ luật từ mức đình chỉ học tập có thời hạn trở lên, bị truy cứu trách nhiệm hình sự;

- Hiệu trưởng Nhà trường căn cứ vào kết quả thi tốt nghiệp của người học và các quy định liên quan để xét công nhận tốt nghiệp, cấp bằng tốt nghiệp.

***4.5. Kế hoạch giảng dạy và quỹ thời gian***

Chương trình đào tạo được thực hiện trong 2 năm với 4 học kỳ chính.

Kỳ 1 gồm 21 tuần, 22 tín chỉ (285 giờ lý thuyết, 90 giờ thực hành), học sinh sẽ học phần lớn các học phần thuộc khối kiến thức giáo dục đại cương và bắt đầu tiếp cận với các học phần thuộc khối kiến thức cơ sở khối ngành.

Kỳ 2 gồm 21 tuần, 19 tín chỉ (150 giờ lý thuyết, 270 giờ thực hành), học sinh sẽ học các học phần thuộc khối kiến thức cơ sở khối ngành còn lại và phần lớn các học phần thuộc khối kiến thức cơ sở ngành.

Kỳ 3 gồm 22 tuần, 21 tín chỉ (150 giờ lý thuyết, 330 giờ thực hành), học sinh sẽ học các học phần thuộc khối kiến thức cơ sở ngành còn lại và các học phần thuộc khối kiến thức ngành và chuyên ngành.

Kỳ 4 gồm 31 tuần, 29 tín chỉ (135 giờ lý thuyết, 810 giờ thực hành), học sinh sẽ học các học phần thuộc khối kiến thức tự chọn còn lại, thực tế ngành, ôn và thi tốt nghiệp.

 Nhà trường bố trí và điều chỉnh các môn học/học phần của các học kỳ sao cho đảm bảo được tính lôgic và tính hệ thống của chương trình đào tạo theo trình tự để sinh viên học các môn khoa học cơ bản, cơ sở, tiền lâm sàng rồi mới học các môn chuyên ngành.

 **HIỆU TRƯỞNG**

 (Đã kí)

 **TS. Trần Xuân Hoan**